TẬP HUẤN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC SINH TIỂU HỌC KHU VỰC ĐÔNG NAM Á (SEA-PLM)

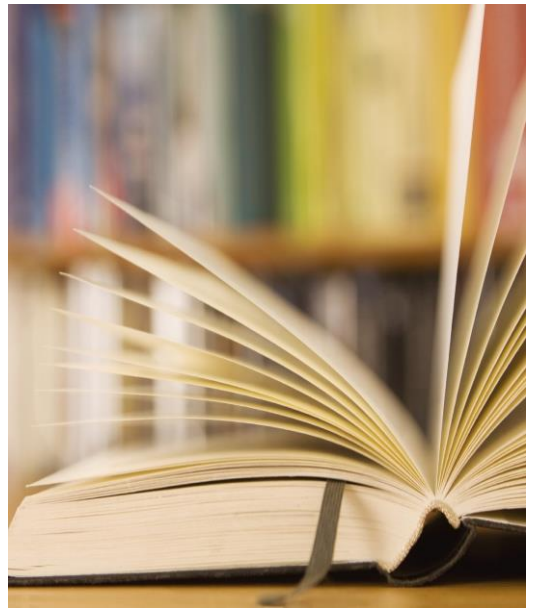

THẦY CÔ ĐÃ BIẾT GÌ VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÁNH GIÁ HỌC SINH TIỂU HỌC SEA- PLM?

NÂNG CAO NĂNG LỰC KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ HỌC SINH TIỂU HỌC

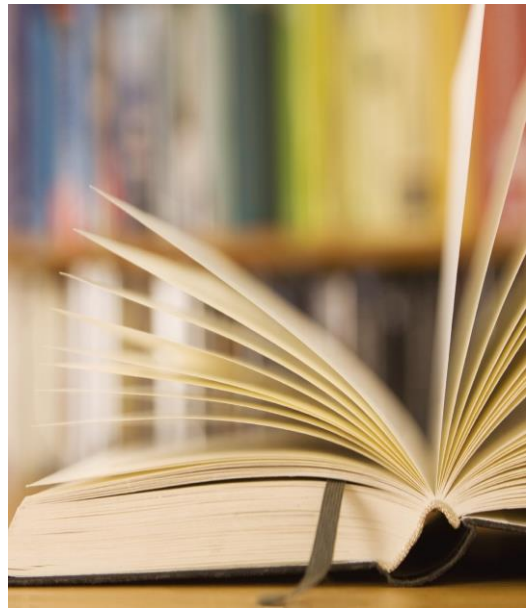

(Thực hiện thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ

4 giai đoạn:

- Giữa HKI
- Cuối HKI
- Giữa HKII
- Cuối năm

→ Phù hợp với YCCĐ

→ Biểu hiện các năng lực của môn học

CÁC MỨC ĐÁNH GIÁ:

- **HOÀN THÀNH TỐT**

- HOÀN THÀNH

- CHƯA HOÀN THÀNH

CUỐI KỲ I VÀ CUỐI NĂM HỌC

TIẾNG VIỆT, TOÁN, NGOẠI NGỮ 1, LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ, KHOA HỌC, TIN HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ***CÓ BÀI*** KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ MÔN TOÁN, TIẾNG VIỆT

Lớp 1, 2, 3

- Đánh giá cuối HKI
- Đánh giá cuối năm học

Lớp 4, 5

- Đánh giá giữa HKI
- Đánh giá cuối HKI
- Đánh giá giữa HKII
- Đánh giá cuối năm học

ĐIỂM MỚI TRONG THÔNG TƯ 27 VỀ RA ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

Thông tư số 27/2020/TT – BGDĐT ngày 04/9/2020

MỨC 1

- **Nhận biết, nhắc lại** hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập.

MỨC 2

- **Kết nối, sắp xếp** được một số nội dung đã học để giải quyết vấn đề có nội dung tương tự.

MỨC 3

- **Vận dụng** các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập và cuộc sống.

SO SÁNH VỀ QUY ĐỊNH VỀ RA ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ TRONG THÔNG TƯ 22 VÀ THÔNG TƯ 27

THÔNG TƯ 22 (4 mức)

- ***Mức 1:*** Nhận biết, nhắc lại được kiến thức, kĩ năng đã học;
- ***Mức 2*:** Hiểu kiến thức, kĩ năng đã học, trình bày, giải thích được kiến thức theo cách hiểu của *cá nhân;*
- ***Mức 3*:** Biết vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề quen thuộc, tương tự trong học tập, cuộc sống;
- ***Mức 4*:** Vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập, cuộc sống một cách linh hoạt.

THÔNG TƯ 27 (3 mức)

- ***Mức 1*:** Nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập;
- ***Mức 2*:** Kết nối, sắp xếp được một số nội dung đã học để giải quyết vấn đề có nội dung tương tự;
- ***Mức 3*:** Vận dụng các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập và cuộc sống.

Bài tập theo các mức

- Mức 1 → Nhận biết, áp dụng GQVĐ quen thuộc (50%)
- Mức 2 → Kết nối, áp dụng GQVĐ tương tự (30%)
- Mức 3 → Vận dụng GQVĐ mới trong học tập và cuộc sống (20%)

Xây dựng đề kiểm tra định kì môn Tiếng Việt lớp 5

Cấu trúc đề kiểm tra định kì môn Tiếng Việt

Kiểm tra định kì môn Tiếng Việt được tiến hành với 2 bài kiểm tra

- **Kiểm tra đọc**
  10 điểm
- **Kiểm tra viết**
  10 điểm

Điểm kiểm tra định kì môn Tiếng Việt (điểm chung) là trung bình cộng điểm của 2 bài kiểm tra đọc và viết (chia số điểm thực tế cho 2) và được làm tròn (0,5 thành 1).

ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN TIẾNG VIỆT L1,2,3

KIỂM TRA ĐỌC

- **Đọc thành tiếng** ***(kết hợp kiểm tra Nói và nghe)***
- **Đọc hiểu** ***(kết hợp kiểm tra Kiến thức tiếng Việt***

KIỂM TRA VIẾT

- **Viết chính tả**
- **Viết đoạn văn, văn bản**

ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN TIẾNG VIỆT L 4, 5
(Phương án 1)

KIỂM TRA ĐỌC
(10 điểm)

- Đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra nghe nói (3 điểm)
- Đọc hiểu (7 điểm)

KIỂM TRA VIẾT
(10 điểm)

- Viết đoạn/bài (10 điểm)

Gợi ý ma trận nội dung kiểm tra đọc hiểu, kiến thức tiếng Việt lớp 4, 5

(Phương án 1)

Mạch kiến thức, kĩ năng	Số câu, số điểm	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Tổng
		TN/TL	TN/TL	TN/TL	
Kiến thức tiếng Việt	Số câu	2 TN	(1 TL)	(1 TL)	**3 câu**
	Số điểm	*1*	*(1)*	*(1)*	***2 điểm***
Đọc hiểu văn bản	Số câu	4 TN	2 TL	1 TL	**7 câu**
	Số điểm	*2*	*2*	*1*	***5 điểm***
Tổng	**Số câu**	**6 TN**	**2 - 3 TL**	**1 - 2 TL**	**10 câu**
	Số điểm	***3***	***2 - 3***	***1 - 2***	***7 điểm***

ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN TIẾNG VIỆT 4, 5
(Phương án 2)

KIỂM TRA ĐỌC
(10 điểm)

- Đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra nghe nói (2 điểm)
- Đọc hiểu (8 điểm)

KIỂM TRA VIẾT
(10 điểm)

- Viết đoạn/bài (10 điểm)

Gợi ý ma trận nội dung kiểm tra đọc hiểu, kiến thức tiếng Việt lớp 4, 5

(Phương án 2)

Mạch kiến thức, kĩ năng	Số câu, số điểm	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Tổng
		TN/TL	TN/TL	TN/TL	
Kiến thức tiếng Việt	Số câu	2 TN	1 TL	1 TL	**4 câu**
	Số điểm	*1*	*1*	*1*	***3 điểm***
Đọc hiểu văn bản	Số câu	4 TN	2 TL	1 TL	**7 câu**
	Số điểm	*2*	*2*	*1*	***5 điểm***
Tổng	**Số câu**	**6 TN**	**3 TL**	**2 TL**	**11 câu**
	Số điểm	***3***	***3***	***2***	***8 điểm***

GỢI Ý HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM CHI TIẾT
KĨ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN, VĂN BẢN LỚP 4, 5

HÌNH THỨC (3 điểm)

- Đoạn văn, bài văn đúng yêu cầu về kiểu, loại văn bản.
- Đoạn văn, bài văn có bố cục rõ ràng *(mở đầu, triển khai, kết thúc)*.
- Các câu, đoạn sắp xếp theo một trình tự hợp lí; có sự liên kết.

NỘI DUNG (4 điểm)

- Đoạn văn, bài văn thể hiện đúng chủ đề.
- Đoạn văn, bài văn thể hiện đủ ý theo đúng yêu cầu nêu trong đề bài.

KĨ NĂNG (3 điểm)

- Điểm tối đa cho kĩ năng dùng từ, đặt câu: 1 điểm
- Điểm tối đa cho phần sáng tạo: 1 điểm
- Điểm tối đa cho kĩ năng viết chữ, viết đúng chính tả: 1 điểm

CÁC MẠCH KIẾN THỨC MÔN TOÁN

Chương trình môn Toán 2018

- SỐ – PHÉP TÍNH
- HÌNH HỌC – ĐO LƯỜNG
- YT THỐNG KÊ – XÁC SUẤT
- HĐ Thực hành-Trải nghiệm

GQVĐ đơn giản
Giải toán

Lớp 1

Lớp 2
3
4
5

Chương trình môn Toán 2018 gồm ba mạch kiến thức:

- Số và Phép tính
- Hình học và Đo lường
- Một số yếu tố Thống kê và Xác suất.

So sánh với Chương trình Toán 2006

- Hình học và Đo lường nhập thành một mạch
- Không có riêng mạch Giải toán có lời văn
-Yếu tố Thống kê, Xác suất chính thức được coi là một mạch kiến thức

Chương trình Toán lớp 1 gồm hai mạch kiến thức:

-Số và Phép tính

-Hình học và Đo lường

Chương trình Toán lớp 2 – 5:

Chương trình Toán thêm một tuyến kiến thức: Một số yếu tố Thống kê và Xác suất.

Ngoài ba mạch kiến thức trên, Chương trình 2018 đưa ra một yêu cầu đối với môn Toán: **Hoạt động Thực hành và Trải nghiệm** để giúp HS ứng dụng các kiến thức Toán học vào thực tiễn.

TỈ LỆ % CÁC NỘI DUNG THEO TỪNG LỚP

LỚP	SỐ – PHÉP TÍNH	Hình học- Đo lường	YT TK-XS	HĐ thực hành-trải nghiệm
1	80 %	15 %	0 %	5 %
2	75 %	17 %	3 %	5 %
3	70 %	22 %	3 %	5 %
4	75 %	16 %	4 %	5 %
5	50 %	40 %	5 %	5 %

CHƯƠNG TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC SINH TIỂU HỌC KHU VỰC ĐÔNG NAM Á (SEA-PLM)

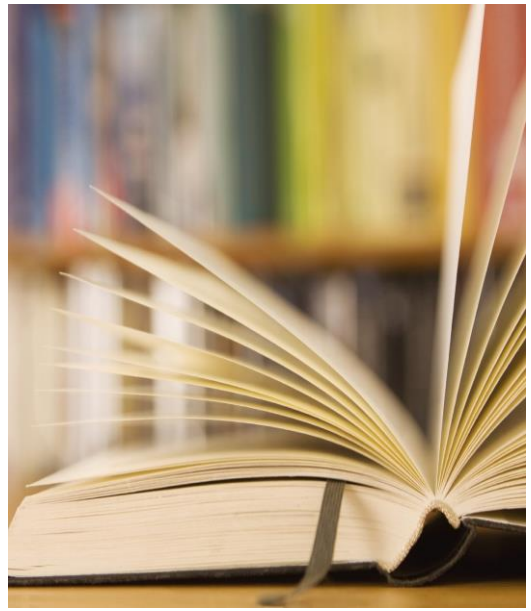

TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH SEA-PLM

1. Chương trình SEA PLM là gì?
2. Đặc điểm Chương trình SEA PLM.
3. Mục tiêu Chương trình SEA PLM.
4. Bài thi trong SEA PLM
5. Quan niệm về năng lực trong Chương trình SEA PLM

Chương trình SEA PLM là gì?

Chương trình đánh giá học sinh tiểu học khu vực Đông Nam Á (SEA_PLM) là chương trình hỗ trợ cho các quốc gia thành viên xây dựng các hệ thống đánh giá học tập hiệu quả, cho phép các quốc gia theo dõi kết quả học tập của học sinh và xây dựng các chính sách cải tiến, từ đó góp phần mang lại nền giáo dục công bằng và có ý nghĩa hơn cho tất cả trẻ em trong khu vực.

Đặc điểm của Chương trình SEA PLM

- Chương trình có quy mô lớn và có tính khu vực.
- Thực hiện đều đặn theo chu kỳ 5 năm/lần
- Chương trình đầu tiên trên thế giới đo lường năng lực viết theo nhiều loại chữ viết khác nhau
- Thu thập câu trả lời của HS, NT, GV, CMHS thông qua đề thi và phiếu hỏi
- Các nước tham gia đều sử dụng 1 bộ công cụ đánh giá chung.

MỤC TIÊU THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH SEA-PLM

- Xây dựng các chỉ báo về kết quả để so sánh về chất lượng.

- Cung cấp cơ sở dữ liệu cần thiết, tin cậy, phát triển chính sách giáo dục trong vùng.

- Tăng cường năng lực hiện có của các nước tham gia về thiết kế các hoạt động thu thập dữ liệu.

BÀI THI TRONG CHƯƠNG TRÌNH SEA- PLM

Cuốn đề thi SEA-PLM bao gồm nhiều bài tập , mỗi bài tập gồm 1 hoặc 1 số câu hỏi. Mỗi cuốn đề thi 40- 50 câu hỏi. Bộ đề thi được chia thành các đề khác nhau đảm bảo HS ngồi gần nhau không làm cùng 1 đề. Thời gian làm là 60 phút. HS dùng bút chì để làm bài.

CÁC DẠNG CÂU HỎI

- Câu hỏi mở yêu cầu trả lời ngắn.
- Câu hỏi mở yêu cầu trả lời dài.
- Câu hỏi đóng yêu cầu trả lời (dựa trên trả lời có sẵn).
- Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn.

MÃ HOÁ TRONG CHƯƠNG TRÌNH SEA-PLM

- Sử dụng thuật ngữ “mã hoá” không sử dụng khái niệm “chấm bài”.

- Sau khi mã hoá xong, kết quả được nhập vào phần mềm, nhận dữ liệu và chuyển đổi thành điểm cho mỗi học sinh.

- Mã các câu hỏi thường là 0, 1,2,9 hoặc 0,1,9. Riêng lĩnh vực viết có mã 0,1,2,3,9 hoặc 0,1,2,3,4,9

QUAN NIỆM VỀ NĂNG LỰC TRONG CHƯƠNG TRÌNH SEA-PLM

Quan niệm ***năng lực*** bao gồm khả năng *tiếp thu, ứng dụng* các kỹ năng, kiến thức và *sự hiểu biết* cần thiết trong từng lĩnh vực.

Thank You!